

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG BIÊN GIỚI VIỆT NAM - CAMPUCHIA

NGUYỄN HỒNG NHUNG*

Từ phía Việt Nam, vùng biên giới với Campuchia bao gồm các tỉnh có chung đường biên giới với nước này. Đó là Kiên Giang, An Giang, Đồng Tháp, Long An, Tây Ninh, Bình Dương, Đắc Lắc, Đắc Nông, Gia Lai và Kon Tum. Tuy nhiên, sự phát triển của các tỉnh khác thuộc Đồng bằng sông Cửu Long, miền Đông Nam Bộ và Tây Nguyên có tác động nhất định lên sự phát triển của vùng biên giới. Đặc biệt, có nhiều vấn đề xuất hiện trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội đòi hỏi phải có sự phối hợp liên ngành, trong phạm vi cả vùng, thậm chí cả nước và cả khu vực mới có thể giải quyết được.

Trong suốt thời kỳ Đổi mới vừa qua, đặc biệt là những năm gần đây, thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của vùng biên giới Việt Nam - Campuchia có *những thành tựu đáng kể*. Cụ thể là:

- Giá trị sản xuất tăng khá mạnh ở tất cả các khu vực kinh tế, hầu hết đều đạt mức tăng trưởng cao hơn mức trung bình của cả nước. Khu vực nông, lâm nghiệp cũng đạt mức tăng trưởng khá.

- Cơ cấu ngành chuyển đổi theo hướng khai thác ngày càng hiệu quả hơn lợi thế cạnh tranh hiện có, tức dựa vào tài nguyên thiên nhiên và khí hậu. Tuy hầu hết các tỉnh thuộc vùng biên giới vẫn là tỉnh nông nghiệp (do tỷ trọng nông nghiệp trong GDP của toàn tỉnh vẫn chiếm trên 50%), song hiệu quả của sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đã được cải thiện đáng kể, nhờ phát triển kinh tế

trang trại và phổ biến khoa học kỹ thuật đến người dân.

- Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội liên tục được cải thiện, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển kinh tế của các tỉnh và của người dân. Mạng lưới đường giao thông được mở rộng và nâng cấp, tạo điều kiện tiếp cận được với các xã vùng sâu, vùng xa. Mạng lưới cung cấp điện, viễn thông, hệ thống tưới tiêu cũng đang dần được cải thiện. Kết cấu hạ tầng đô thị cũng được quan tâm phát triển.

- Sản xuất phát triển là nền tảng để tạo ra những công ăn việc làm mới, góp phần giải quyết vấn đề việc làm cho nhân dân. Đồng thời, sản xuất phát triển cũng là nền tảng để cải thiện và nâng cao mức sống của nhân dân. Thu nhập trung bình của người dân không ngừng được gia tăng. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam, trong giai đoạn từ 2000-2007, thu nhập bình quân hàng tháng theo giá thực tế của lao động khu vực nhà nước do các địa phương quản lý tại các tỉnh biên giới Việt Nam - Campuchia đã tăng từ 2-3,5 lần, với mức tăng ít nhất (khoảng 2 lần) ở Đắc Nông, Long An và Kiên Giang và mức tăng cao nhất (3,5 lần) ở Gia Lai. Như vậy, xét về chỉ số này, vùng biên giới Việt Nam - Campuchia đã đạt được "thước đo" của tăng trưởng bền vững về kinh tế.

- Lĩnh vực giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe đã và đang được nhận được sự quan tâm đặc biệt từ phía lãnh đạo các tỉnh biên giới và đã đạt được những thành

* TS. Nguyễn Hồng Nhung, Viện Kinh tế và chính trị Thế giới

tự nhất định. Tổng số trường học, lớp học, cơ sở khám và chữa bệnh được tăng thêm và nâng cấp. Đội ngũ giáo viên, y, bác sĩ cũng được tăng thêm và được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn. Số giáo viên là người dân tộc thiểu số đang ngày càng tăng lên và chủ yếu dạy học ở cấp tiểu học. Hàng năm, hàng nghìn sinh viên, học viên của các tỉnh biên giới được đào tạo trong hệ thống các trường đại học và dạy nghề công lập, góp phần đáng kể vào việc cải thiện chất lượng nguồn nhân lực của địa phương.

Bên cạnh những thành tựu rất cơ bản trên đây, thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của vùng biên giới Việt nam - Campuchia còn có **một số vấn đề nổi cộm**, cần được quan tâm giải quyết, nhằm đạt được sự tăng trưởng bền vững trong tương lai. Đó là:

- Tuy đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, song phát triển kinh tế của các tỉnh trong vùng biên giới Việt Nam - Campuchia có nguy cơ bất ổn cao và do đó, rất dễ bị tổn thương trước những tác động của các yếu tố bên ngoài - từ các vùng khác lân cận, trong nước, khu vực và quốc tế. Tỷ trọng của ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản còn rất cao trong GDP, cơ cấu cây trồng còn phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên và khí hậu, các sản phẩm xuất khẩu thì chủ yếu là nguyên liệu thô và phụ thuộc nhiều vào giá cả lên xuống thất thường của thị trường hàng hóa thế giới, trong khi nhà nước chưa có được các cơ chế phối hợp thỏa đáng. Những đặc điểm này của cơ cấu ngành của các tỉnh trong vùng đã và đang làm cho hoạt động kinh tế của các tỉnh trong vùng dễ bị bất ổn, dễ bị tổn thương trước các yếu tố tác động từ bên ngoài, đặc biệt là các yếu tố bất thường, như thiên tai, khủng hoảng. Minh chứng cho nhận định này là sự lên xuống của giá cà phê, điều, hạt tiêu, gạo trên thị trường thế giới và tác động của chúng đến người trồng cà phê, điều, hạt tiêu, trồng lúa - mở rộng diện tích để trồng thêm

hay chặt bỏ bớt đi để chuyển diện tích đất sang trồng cây khác, không bán, cho vào kho cất giữ hay bán "non" để đảm bảo thu nhập ít ỏi do bị ép giá của tư thương

- Đối với nhiều tỉnh trong vùng, nguồn thu nhập chính của người dân là từ khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản (xem bảng). Trong điều kiện nguy cơ dễ bị bất ổn và dễ bị tổn thương cao của các ngành này trước các biến động của khí hậu, tình hình thị trường, tính ổn định về mặt thu nhập của người dân trong vùng có phần bị hạn chế, khó được đảm bảo.

- Nghèo đói và chênh lệch thu nhập đang không chỉ là vấn đề của riêng vùng biên giới Việt Nam - Campuchia, song với vùng này, đặc biệt là các tỉnh Tây Nguyên, vấn đề có phần nan giải hơn nhiều. Năm 2006, tỷ lệ số hộ nghèo của vùng Tây Nguyên trung bình là 23% tổng số hộ dân, trong đó ở Kon Tum là 30%, ở Gia Lai, Đắc Lắc, Đắc Nông - khoảng 25%. Mức này cao hơn nhiều so với mức trung bình của cả nước (15% tổng số hộ), so với mức trung bình của Đồng bằng sông Cửu Long (12,4%) và miền Đông Nam Bộ (4,3%). Mức chênh lệch thu nhập của nhóm 20% số người nghèo nhất với nhóm 20% số người giàu nhất ở tất cả các tỉnh vùng biên giới này đều rất cao - từ 6 - 8 lần. Với mức thu nhập trung bình của nhóm 20% số người nghèo nhất ở Tây Nguyên là 157.000 đ/tháng theo giá thực tế và mức chi tiêu trung bình cho cả vùng là khoảng 400.000 đ/tháng (năm 2006), có thể thấy rõ thực trạng đời sống của nhóm người này khó khăn đến mức nào.

- Vấn đề liên quan đến việc sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Với cơ cấu ngành hiện tại, đất đai và nước là hai nguồn tài nguyên thiên nhiên khá quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của toàn vùng. Đất đai được sử dụng chủ yếu trong nông và lâm nghiệp - tới 70 - 80% tổng quỹ đất. Thế nhưng, trong khai thác đất lâm nghiệp xuất hiện

một số vấn đề cần được quan tâm. Trong giai đoạn từ năm 2000 đến nay, diện tích rừng bị cháy tăng lên, đặc biệt ở Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long, diện tích rừng trồng bị giảm đi ở Bình Phước, Tây Ninh và bốn tỉnh biên giới thuộc Đồng bằng sông Cửu Long. Có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau dẫn đến thực trạng trên. Đó là quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành, thiên tai... và có cả nguyên nhân chủ quan do ý thức của con người nữa (quy hoạch dài hạn, tổng thể chưa kịp thời, ảnh hưởng của thói quen “tự sản, tự tiêu”, “tự cung, tự cấp” của người dân). Bên cạnh đó, sự phát triển của ngành nuôi trồng thủy sản trong điều kiện chưa quan tâm thích đáng đến các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã và đang gây nên những tác động tiêu cực nhất định đến môi trường. Liên quan đến tài nguyên nước, có ít nhất hai vấn đề cần được quan tâm là hiện tượng giảm dần

mực nước ngầm và việc cùng sử dụng nguồn nước của sông Mê Công. Trong điều kiện phát triển công nghiệp đang chiếm tỷ trọng khiêm tốn trong GDP, lượng FDI vào chưa nhiều ở các tỉnh biên giới phía Nam và quá ít ở Tây Nguyên, nguy cơ bị ô nhiễm môi trường từ các hoạt động không lớn. Thế nhưng, để ngăn ngừa các tác động tiêu cực có thể có từ khu vực kinh tế này, đòi hỏi phải có sự quan tâm từ phía các nhà lãnh đạo địa phương ngay từ bây giờ.

• Vấn đề về khả năng tiếp cận hạn chế của người dân đối với các dịch vụ công (giáo dục, y tế, sinh hoạt cộng đồng, điện, nước sạch, bưu chính, viễn thông), đặc biệt là người dân tộc thiểu số. Đây là vấn đề khá nan giải đối với hầu hết các tỉnh, chứ không phải chỉ có các tỉnh trong vùng biên giới Việt Nam - Campuchia. Song đây là vùng có nhiều đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống, nên vấn đề sẽ phức tạp hơn./.

Phân bố thu nhập trung bình tháng trên đầu người theo nguồn thu theo giá thực tế năm 2006 (nghìn đồng)

Tên vùng	Tổng số	Trong đó			
		Từ tiền lương, tiền công	Từ nông, lâm, thủy sản	Phi nông, lâm, thủy sản	Thu khác
Cả nước	636	218	158	145	115
Tây nguyên	522	128	240	95	59
Kon Tum	445	157	168	60	60
Gia Lai	498	151	177	109	61
Đắk Lắk	507	109	252	99	47
Đắk Nông	500	85	337	44	33
Đông Nam Bộ	1065	441	118	304	202
Bình Phước	695	206	323	148	85
Tây Ninh	697	259	205	148	85
ĐBSCL	628	163	237	139	89
Long An	627	237	206	107	77
Đồng Tháp	609	144	241	156	67
An Giang	691	173	229	186	103
Kiên Giang	675	178	263	138	96